TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRĂK** TỈNH ĐĂK LĂK	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HS-ST
Ngày 24- 8- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRĂK, TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Giang; bà Bùi Thị Thêm.

-Thư ký phiên tòa: ông Vũ Văn Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: ông Trương Công Sâm – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/ 2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (Nguyễn Tiến D, Tư N) sinh năm 1956 tại: xã A, thành phố P, tỉnh G. Nơi đăng ký HKTT: thôn 8, xã A, thành phố P, tỉnh G. Chỗ ở: không ổn định. Dân tộc: kinh. Giới tính: nam. Tôn giáo: Thiên chúa giáo. Trình độ học vấn: 10/12. nghề nghiệp: thợ xây. Con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị S đều đã chết. Vợ: Nguyễn Thị T2 sinh năm 1955 và có 02 con (con lớn sinh năm 1979, con nhỏ sinh năm 1980) hiện ở tổ 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 23/5/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện M'Đrắk. Bị cáo được trích xuất đến phiên tòa.

*Những người tham gia tố tụng khác:

- Người bị hại: ông Sùng Seo N sinh năm 1980. Trú tại: thôn 4, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Ông N có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng: ông Giàng A H sinh năm 1972. Trú tại: thôn 4, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Ông H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/4/2006 Nguyễn Văn T cùng một số thợ, xây nhà cho ông Giàng A H tại thôn 04, xã Ea M'Đoal, huyện M'Đrăk, tỉnh Đăk Lăk. Do ông H chưa có giấy phép xây dựng nên chính quyền địa phương đình chỉ việc xây dựng nhà. T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để đi khỏi địa phương. Khoảng 18 giờ ngày 05/6/2006, T đến nhà ông Sùng Seo N mượn xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 47L5-2207 của ông N. Sau khi mượn được xe của ông N, T điều khiển xe đến xã Phan Lâm, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận để sử dụng, sau đó đem cầm cố được 1.000.000đồng lấy tiền tiêu xài.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 37/KL-ĐG ngày 22/9/2006 của Hội đồng định giá tài sản huyện M'Đrăk kết luận: xe mô nhãn hiệu Halley, BKS 47 L5 – 2207 trị giá 9.630.000đồng (Chín triệu sáu trăm ba mươi ngàn đồng).

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô hiệu Halley, biển kiểm soát 47 L5 – 2207.

* Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự (BLHS) năm 1999.

* Kết quả xét hỏi tại phiên tòa:

- Bị cáo khai: Trong thời gian xây dựng nhà cho ông Giàng A H, bị cáo có quen biết với ông Sùng Seo N. Do nhà ông H bị đình chỉ xây dựng, bị cáo và nhóm thợ không có việc làm, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của ông N để đưa đi nơi khác sử dụng. Khoảng 18 giờ ngày 05/6/2006, bị cáo nói với ông N cho bị cáo mượn xe mô tô BKS 47L5-2207 để bị cáo đi lấy vật liệu xây dựng cho ông H. Ông N giao xe cho bị cáo, bị cáo điều khiển xe đến tỉnh Bình Thuận sử dụng một thời gian, sau đó đem cầm cố được 1.000.000đồng để mua thực phẩm cho thợ xây.

- Người bị hại ông Sùng Seo N khai: do quen biết, tin tưởng bị cáo, ông N cho bị cáo mượn xe mô tô BKS 47L5-2207, nhưng bị cáo không trả xe cho ông N, ông N làm đơn tố cáo bị cáo. Quá trình điều tra, năm 2006 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M'Đrắk đã trả cho ông N xe mô tô mà bị cáo đã chiếm đoạt của ông N. Ông N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm gì.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và đề nghị HĐXX:

-Áp dụng khoản 1 Điều 139 và các điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Áp dụng khoản 2 Điều 41 BLHS năm 1999**;** điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M'Đrăk đã trả lại xe mô tô hiệu Halley, biển kiểm soát 47 L5 – 2207 cho ông N.

* Bị cáo, người bị hại không có ý kiến tranh luận. Bị cáo trình bày, hiện nay bị cáo đã nhiều tuổi, bị cáo mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M'Đrắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Ngày 05/6/2006 tại thôn 4, xã EaM'Đoal, huyện M'Đrắk, tỉnh Đăk Lắk. Vì mục đích tư lợi, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của ông N rồi bỏ trốn. Lợi dụng sự quen biết, bị cáo nói dối ông N, mượn xe ông N để đi gọi người chở vật liệu cho ông Hòa, nhưng sau khi mượn được xe mô tô BKS 47L5 – 2207 của ông N, bị cáo bỏ trốn. Ngày 23/5/2018 bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã. Theo Kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì xe mô tô bị cáo chiếm đoạt của ông N trị giá 9.630.000đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện trong thời gian BLHS năm 1999 đang có hiệu lực pháp luật. Do vậy, HĐXX áp dụng tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 139 BLHS năm 1999 đối với bị cáo.

Tại khoản 1 Điều 139 BLHS năm 1999 quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ năm trăm nghìn đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới năm trăm nghìn đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm."

Xét tính chất, mức độ cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, thể hiện sự coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an. Bị cáo bỏ trốn, gây khó khăn, kéo dài thời gian giải quyết vụ án, đến ngày 23/5/2018 cơ quan Điều tra mới bắt được bị cáo. Do vậy, HĐXX cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo và buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian, mới có tác dụng cải tạo bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành

khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm1999.

[3]Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Bị cáo chiếm đoạt xe mô tô BKS 47L5-2207 thuộc quyền sở hữu của ông Sùng Seo N. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M'Đrăk đã thu giữ và trả lại xe mô tô cho ông N là đúng pháp luật. Ông N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên về trách nhiệm dân sự, HĐXX không xem xét.

[4] Bị cáo bị kết án, buộc bị cáo phải chịu tiền án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T (Nguyễn Tiến D, Tư N) phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 139 và các điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (Nguyễn Tiến D, Tư N) 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 23/5/2018.

2.Áp dụng khoản 2 Điều 41 BLHS năm 1999; điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M'Đrăk đã trả lại xe mô tô BKS 47L5-2207 cho ông Sùng Seo N.

3.Về án phí: áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Văn T (Nguyễn T D, Tư N) phải chịu 200.000đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Báo cho bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án HSST trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thế Dương

Nơi nhận:
-TAND tỉnh ĐắkLắk;
-Sở Tư Pháp ĐắkLắk;
-VKSND huyện M'Đrắk;
-Công an huyện M'Đrắk;
-T.H.A dân sự huyện M'đrắk;
-Bị cáo;
-Đương sự;
-UBND xa An Phú;
-Lưu hồ sơ vụ án.